TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HS-ST
Ngày: 16/6/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà La Thị Huệ;
Ông Lương Mạnh Hà.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Triệu Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Đậu Xuân Hà và ông Trần Đức Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2025/TLST-HS, ngày 28/3/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HS ngày 13/5/2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Đ, tên gọi khác: Không; sinh ngày 19/8/1984 tại tỉnh Nam Định; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: DV03-1405 R, G N, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân K (đã chết) và bà Đỗ Thị L; chồng là Nguyễn Đức T, sinh năm 1979; có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2024 đến ngày 24/12/2024 thì được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hứa Thị D, sinh năm 1996, nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; chỗ ở hiện nay: Số D, phố K, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Hoàng Thị T1, sinh năm 1989, nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; chỗ ở hiện nay: Vinhome T, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/12/2024, Công an tỉnh B tiếp nhận tin báo với nội dung: Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay tiền thu lãi suất cao hơn quy định của pháp luật. Quá trình điều tra đã xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2023 đến tháng 7/2024, Đ nhiều lần cho D vay tiền và thu lãi suất từ 109,09%/năm đến 480,26%/năm, cụ thể như sau:

1. Đối với các khoản vay tính lãi theo tháng và đã trả tiền gốc:

1.1 Ngày 25/08/2023, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 36.000.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất là 144%/năm. Đ đã thu của D 10 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 360.000.000 đồng, thu lợi bất chính 310.000.000 đồng. Ngày 25/07/2024, D đã trả tiền nợ gốc cho Đ;

1.2 Ngày 13/10/2023, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 48.000.000 đồng/tháng, tương đương mức lãi suất là 144%/năm. Đ đã thu của D 09 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 432.000.000 đồng, thu lợi bất chính 372.000.000 đồng. Ngày 13/07/2024, D đã trả tiền nợ gốc cho Đ;

1.3 Ngày 19/11/2023, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 200.000.000 đồng, và thỏa thuận lãi suất là 24.000.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất là 144%/năm. Đ đã thu của D 07 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 168.000.000 đồng, thu lợi bất chính 144.666.667 đồng. Ngày 19/06/2024, D đã trả tiền nợ gốc cho Đ;

1.4 Ngày 12/01/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 24.000.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất là 144%/năm. Đ đã thu của D 06 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 144.000.000 đồng, thu lợi bất chính 124.000.000 đồng. Ngày 11/07/2024, D đã trả tiền nợ gốc cho Đ;

1.5 Ngày 21/01/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 12.000.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất là 144%/năm. Đ đã thu của D 05 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 60.000.000 đồng, thu lợi bất chính 51.666.667 đồng. Ngày 19/06/2024, D đã trả tiền nợ gốc cho Đ;

1.6 Ngày 01/02/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 550.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 50.000.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất là 109,09%/năm. Đ đã thu của D 01 tháng tiền lãi với số tiền là 50.000.000 đồng, thu lợi bất chính 40.833.333 đồng. Ngày 02/03/2024, D đã trả tiền nợ gốc cho Đ;

1.7 Ngày 06/03/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 800.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 120.000.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất

là 180%/năm. Đ đã thu của D 03 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 360.000.000 đồng, thu lợi bất chính 320.000.000 đồng. Ngày 05/06/2024, D đã trả tiền nợ gốc cho Đ;

1.8 Ngày 22/03/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 60.000.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất là 180%/năm. Đ đã thu của D 03 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 180.000.000 đồng, thu lợi bất chính 160.000.000 đồng. Ngày 25/06/2024, D đã trả tiền nợ gốc cho Đ;

1.9 Ngày 16/05/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 800.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 120.000.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất là 180%/năm. Đ đã thu của D 01 tháng tiền lãi với số tiền là 120.000.000 đồng, thu lợi bất chính 106.666.667 đồng. Ngày 17/06/2024, D đã trả tiền nợ gốc cho Đ;

1.10 Ngày 05/06/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 180.000.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất là 216%/năm. Đ đã thu của D 01 tháng tiền lãi với số tiền là 180.000.000 đồng, thu lợi bất chính 163.333.333 đồng. Ngày 05/07/2024, D đã trả tiền nợ gốc cho Đ;

1.11 Ngày 06/06/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 90.000.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất 216%/năm. Đ đã thu của D 01 tháng tiền lãi với số tiền là 90.000.000 đồng, thu lợi bất chính 81.666.667 đồng. Ngày 06/07/2024, D đã trả tiền nợ gốc cho Đ;

1.12 Ngày 18/06/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 1.600.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 288.000.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất là 216%/năm. Đ đã thu của D 01 tháng tiền lãi với số tiền là 288.000.000 đồng, thu lợi bất chính 261.333.333 đồng. Ngày 18/07/2024, D đã trả tiền nợ gốc cho Đ;

1.13 Ngày 21/06/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 360.000.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất là 216%/năm. Đ đã thu của D 01 tháng tiền lãi với số tiền là 360.000.000 đồng, thu lợi bất chính 326.666.667 đồng. Ngày 21/07/2024, D đã trả tiền nợ gốc cho Đ.

Tổng số tiền gốc của 13 khoản vay nêu trên là 8.850.000.000 đồng. Nguyễn Thị Đ đã thu của Hứa Thị D tổng số tiền lãi là 2.792.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính 2.462.333.334 đồng.

2. Đối với các khoản vay tính lãi theo ngày và đã trả tiền gốc:

2.1 Ngày 05/4/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 20/4/2024 sẽ trả tiền gốc và tiền lãi là 42.000.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là 204,4%/năm. Ngày 20/4/2024, D đã trả cho Đ số tiền lãi là 42.000.000 đồng và đề nghị gia hạn khoản vay đến ngày 15/5/2024, thỏa thuận lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với mức lãi suất là 182,5%/năm, thì được Đ đồng ý. Ngày 15/5/2024, D trả tiền lãi của 25 ngày là

62.500.000 đồng và tiếp tục đề nghị gia hạn khoản vay đến ngày 15/6/2024, thỏa thuận lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày và được Đ đồng ý. Đến ngày 15/6/2024, D đã trả số tiền gốc và số tiền lãi trong 30 ngày của khoản vay trên là 75.000.000 đồng. Đối với khoản vay này, Đ thu lợi bất chính số tiền là 160.321.918 đồng;

2.2 Ngày 10/05/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 600.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 31/5/2024 sẽ trả tiền gốc và số tiền lãi trong 22 ngày là 65.000.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là 179,73%/năm. Ngày 31/5/2024, D đã trả tiền gốc và tiền lãi cho Đ theo thỏa thuận. Đ thu lợi bất chính số tiền 58.424.658 đồng;

2.3 Ngày 17/05/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 476.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 25/05/2024 sẽ trả tiền gốc và tiền lãi trong 08 ngày là 24.000.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là 230,04%/năm. Ngày 25/5/2024, D đã trả tiền gốc và tiền lãi cho Đ theo thỏa thuận. Đ thu lợi bất chính số tiền là 21.913.425 đồng;

2.4 Ngày 27/5/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 570.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 31/05/2024 sẽ trả tiền gốc và tiền lãi trong 04 ngày của khoản vay là 30.000.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là 480,26%/năm. Ngày 31/5/2024, D đã trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Đ thu lợi bất chính số tiền là 28.750.685 đồng;

2.5 Ngày 31/05/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6.000đ/1.000.000đ/ngày tương đương với mức lãi suất là 219%/năm. Ngày 25/6/2024, D đã trả tiền gốc và tiền lãi trong 25 ngày là 150.000.000 đồng. Đ thu lợi bất chính số tiền 136.301.370 đồng;

2.6 Ngày 01/6/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với mức lãi suất là 219%/năm. Ngày 19/6/2024, D đã trả số tiền gốc và tiền lãi trong 19 ngày là 114.000.000 đồng. Đ thu lợi bất chính số tiền 103.589.041 đồng;

2.7 Ngày 02/6/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 900.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với mức lãi suất là 219%/năm. Ngày 18/6/2024, D đã trả tiền gốc và tiền lãi trong 17 ngày là 91.800.000 đồng. Đ thu lợi bất chính số tiền 83.416.438 đồng;

2.8 Ngày 12/6/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 800.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 28.000.000 đồng/04 ngày, tương đương mức lãi suất là 319,38%/năm. Ngày 16/6/2024, D đã trả tiền gốc và tiền lãi trong 04 ngày là 28.000.000 đồng. Đ thu lợi bất chính số tiền 26.246.575 đồng;

2.9 Ngày 16/06/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 600.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với mức lãi suất là

219%/năm. Ngày 01/7/2024, D đã trả số tiền gốc và số tiền lãi 16 ngày là 57.600.000 đồng. Đ thu lợi bất chính số tiền là 52.339.726 đồng;

2.10 Ngày 17/06/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với mức lãi suất là 219%/năm. Ngày 16/07/2024, D đã trả tiền gốc và tiền lãi trong 29 ngày là 261.000.000 đồng. Đ thu lợi bất chính số tiền là 237.164.384 đồng;

2.11 Ngày 21/06/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 600.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với mức lãi suất là 219%/năm. Ngày 11/7/2024, D đã trả tiền gốc và tiền lãi trong 15 ngày là 54.000.000 đồng. Đ thu lợi bất chính số tiền là 49.068.493 đồng;

2.12 Ngày 27/6/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 8.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với mức lãi suất là 292%/năm. Ngày 16/7/2024, D đã trả tiền gốc và tiền lãi trong 19 ngày là 152.000.000 đồng. Đ thu lợi bất chính số tiền là 141.589.041 đồng;

2.13 Ngày 29/06/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 800.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 8.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với mức lãi suất là 292%/năm. Ngày 19/7/2024, D đã trả tiền gốc và tiền lãi trong 20 ngày là 128.000.000 đồng. Đ thu lợi bất chính số tiền là 119.232.877 đồng;

2.14 Ngày 03/7/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 7.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với mức lãi suất là 255,5%/năm. Ngày 15/7/2024, D đã trả tiền gốc và tiền lãi trong 12 ngày là 100.800.000 đồng. Đ thu lợi bất chính số tiền là 92.909.589 đồng;

2.15 Ngày 09/7/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 7.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với mức lãi suất là 255,5%/năm. Ngày 25/7/2024, D đã trả tiền gốc và tiền lãi trong 16 ngày là 224.000.000 đồng. Đ thu lợi bất chính só tiền là 206.465.753 đồng.

Tổng số tiền gốc của 15 khoản vay nêu trên là 13.546.000.000 đồng. Nguyễn Thị Đ đã thu của Hứa Thị D tổng số tiền lãi là 1.659.700.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền 1.517.733.973 đồng.

3. Đối với các khoản vay chưa trả tiền gốc:

3.1 Ngày 30/9/2023, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 120.000.000 đồng/tháng, tương đương với mức lãi suất là 144%/năm. Đ đã thu của D 09 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 1.080.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 930.000.000 đồng. Hiện nay, D chưa trả tiền gốc cho Đ;

3.2 Ngày 01/7/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 6.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với mức lãi suất là 219%/năm và thống nhất 15 ngày trả lãi một lần, với số tiền là 180.000.000 đồng. Đ đã thu của D 01 lần tiền lãi với số tiền là 180.000.000 đồng vào ngày 15/7/2024, thu lợi bất chính số tiền là 163.561.644 đồng. Hiện nay, D chưa trả tiền gốc cho Đ;

3.3 Ngày 08/7/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 7.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với mức lãi suất là 255,5%/năm và thống nhất 15 ngày trả lãi một lần với số tiền là 157.500.000 đồng. Đ đã thu của D 01 lần tiền lãi với số tiền là 157.500.000 đồng vào ngày 23/7/2024, thu lợi bất chính số tiền là 145.171.233 đồng. Hiện nay, D chưa trả tiền gốc cho Đ.

Tổng số tiền gốc của 03 khoản vay nêu trên là 4.500.000.000 đồng. Nguyễn Thị Đ đã thu của Hứa Thị D tổng số tiền lãi là 1.417.500.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền 1.238.732.877 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2023 đến tháng 7/2024, Nguyễn Thị Đ đã cho Hứa Thị D vay tổng cộng 31 khoản, với tổng số tiền cho vay là 26.896.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc D đã trả cho Đ là 22.396.000.000 đồng, số tiền gốc chưa trả cho Đ là 4.500.000.000 đồng. Đ đã thu của D tổng số tiền lãi là 5.869.200.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 5.218.642.648 đồng.

Toàn bộ việc cho vay tiền và thanh toán tiền lãi giữa Nguyễn Thị Đ và Hứa Thị D đều được thực hiện qua tài khoản ngân hàng, cụ thể: Bị cáo Đ sử dụng các tài khoản ngân hàng V số 105006644989; T2 số 903854259595; VPBank số I đều mang tên Nguyễn Thị Đ để chuyển tiền cho vay và nhận tiền lãi của D. D sử dụng các tài khoản ngân hàng M số: 66661996666; 3330199646999; 0968920009 đều màn tên Hứa Thị D để nhận tiền vay và trả tiền lãi cho Đ.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên 02 tờ giấy vay tiền (mẫu cần giám định) và các chữ viết, chữ ký trên các bản tự khai của Nguyễn Thị Đ có phải cùng do một người viết, ký ra hay không. Tại Kết luận giám định số 46/KL-KTHS ngày 06/01/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

"1. Chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (trừ chữ ký phía trên dòng chữ Hứa Thị D và chữ ký cùng dòng chữ Nguyễn Thị Đ ở phía góc phải, phía trên của mẫu cần giám định ký hiệu A1) so với chữ ký của Nguyễn Thị Đ trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người ký ra.

2. Chữ viết trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết của Nguyễn Thị Đ trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người viết ra".

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Đ đều thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số: 13/CT-VKSBK-P1 ngày 27/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Nguyễn Thị Đ về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (BLHS), điều luật có nội dung:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhấtquy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 đến 60 tháng. Phạt bổ sung bị cáo 50 đến 60 triệu để sung vào ngân sách Nhà nước; cấm bị cáo kinh doanh dịch vụ cầm đồ, cho vay trong thời hạn 02 đến 03 năm. Biện pháp tư pháp: Tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc của các khoản vay; buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại khoản tiền thu lợi bất chính cho người vay tiền; buộc bị cáo nộp vào ngân sách Nhà nước khoản tiền lãi 20% theo quy định. Xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá, sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có căn cứ để khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2023 đến tháng 7/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay tổng số tiền 26.896.000.000 đồng, với lãi suất từ 109,09%/năm đến 480,26%/năm, cao gấp 5,45 lần đến 24,01 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đ đã thu của D tổng số tiền lãi 5.869.200,000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 5.218.642.648 đồng. Hiện nay, D đã trả cho Đ tổng số tiền gốc là 22.396.000.000 đồng và còn nợ số tiền gốc là 4.500.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS. Việc cáo trạng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế và hoạt động cho vay tín dụng, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, cần xử lý nghiêm bị cáo mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo nhiều lần cho Hứa Thị D vay tiền với lãi suất cao gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, mỗi lần đều thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho người vay là chị Hứa Thị D và được chị D xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, đó là *"Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả", "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải".* Ngoài ra, bị cáo còn có bố đẻ là ông Nguyễn Xuân K là bệnh binh hạng 2/3, do vậy bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào các quy định của BLHS, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Sau khi xét xử, bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ tài chính rất lớn đối với Nhà nước. Do vậy, cho bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương thì vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Mặt khác, cũng tạo điều kiện để bị cáo khắc phục hiệu quả hành vi phạm tội, đối với nghĩa vụ tài chính nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ, cho vay thường phát sinh tội phạm "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Ngoài ra, động cơ mục đích phạm tội của bị cáo nhằm thu lợi bất chính. Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm bị cáo kinh doanh dịch vụ cầm đồ, cho vay trong thời hạn nhất định và hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không đề nghị giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc của khoản vay, xác định đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước. Do đó, khoản tiền gốc đã được người vay tiền trả cho bị cáo, thì bị cáo phải nộp lại, khoản tiền gốc chưa trả thì người vay tiền phải nộp. Trong vụ án, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay tổng số tiền 26.896.000.000 đồng, D đã trả cho Đ tổng số tiền gốc là 22.396.000.000 đồng và còn nợ số tiền gốc là 4.500.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính, cần buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho người vay tiền. Trong vụ án, bị cáo đã thu lợi bất chính là 5.218.642.648 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử sơ thẩm bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền trên cho chị Hứa Thị D.

Đối với khoản tiền lãi 20% theo quy định là 650.557.352 đồng, cần buộc bị cáo có trách nhiệm nộp vào ngân sách Nhà nước, vì đây là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng của bị cáo, xác định là công cụ phương tiện phạm tội, cần tịch thu hóa giá, sung ngân sách Nhà nước.

[9] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn: Xét thấy, các căn cứ, lập luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật, được HĐXX chấp nhận.

[10] Các nội dung khác của vụ án:

10.1 Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với 02 khoản vay với lãi suất vượt quá quy định của pháp luật nhưng đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính cùng 13 khoản vay Nguyễn Thị Đ chưa thu tiền lãi và đã thống nhất không thu lãi theo thỏa thuận ngày 22/8/2024 là có căn cứ;

10.2 Hứa Thị D đã trả cho Nguyễn Thị Đ 02 lần với tổng số tiền là 330.000.000 đồng, nhưng cả hai bên không thỏa thuận với nhau là sẽ tính là tiền lãi hay tiền nợ gốc. Do không có cơ sở xác định đó là tiền lãi và để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Cơ quan điều tra không tính số tiền này vào số tiền lãi mà bị cáo Đ đã thu được là phù hợp;

10.3 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B chuyển Công an thành phố H xem xét xử lý các nội dung có dấu hiệu vi phạm hành chính sau: Ngày 31/01/2024, Nguyễn Thị Đ cho Hứa Thị D vay 500.000.000 đồng và hẹn ngày 26/02/2024 trả lãi 34.000.000 đồng, tương đương lãi suất 95,46%/năm; Mai Thị H, sinh năm 1993, trú tại căn hộ D, G N, phường H, quận H, thành phố Hà Nội trong năm 2024 cho Đ vay 06 khoản có thỏa thuận lãi suất 36% đến 54%/năm. H và Đ đều khai nhận không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự và lãi suất vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, có dấu hiệu vi phạm hành chính;

10.4 Đối với việc Hứa Thị D khai được góp tiền đầu tư cho Hoàng Thị T1, sinh năm 1989, trú tại thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đang tiến hành giải quyết theo quy trình tin báo về tội phạm để làm rõ hoạt động huy động vốn của Hoàng Thị T1 có vi phạm pháp luật hay không? Quá trình xác minh chưa có căn cứ xác định việc D góp vốn với T1 là vi phạm pháp luật. Đồng thời, Nguyễn Thị Đ khai bản thân không quen biết, không giao dịch với T1 mà chỉ giao dịch cho D vay tiền. Do vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng xác định nội dung trên không ảnh hưởng đến việc xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo Đ là đúng quy định.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng.

Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

2.1 Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Đ 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

2.2 Cấm bị cáo Nguyễn Thị Đ kinh doanh dịch vụ cầm đồ, cho vay trong thời hạn 02 (Hai) năm, kể từ ngày Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự.

3.1. Buộc bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại sung vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc của các khoản vay, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Thị Đ phải nộp số tiền 22.396.000.000đ (Hai mươi hai tỷ, ba trăm chín mươi sáu triệu đồng). Chị Hứa Thị D phải nộp số tiền 4.500.000.000đ (Bốn tỷ, năm trăm triệu đồng);

3.2. Buộc bị cáo phải nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi suất 20% theo mức quy định là 650.557.352đ (Sáu trăm năm mươi triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm năm mươi hai đồng).

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPhone, loại màn hình cảm ứng, mặt sau màu trắng, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì ký hiệu "ĐT Định" của Nguyễn Thị Đ.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh B và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng Hình sự CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khánh Phương